

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN**

**BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ VƯỜN CÂY CỦA TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (GIAI ĐOẠN 2)
DỰ ÁN: NHÀ MÁY NHỰA PHÚC HÀ DUNG QUÁT
ĐỊA ĐIỂM: XÃ BÌNH CHÁNH, HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Công văn số /UBND ngày / /2021 của UBND huyện Bình Sơn)**

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Kiều Xuân Lâm									11.100.000				11.100.000
		Điều trồng hạt - Cây cho quả (cây trồng trên thửa đất số 57, diện tích 2645 m2, TBD số 1)	57	2.645	1	37	cây	37	300.000	11.100.000				11.100.000
2	Kiều Du									149.280.000				149.280.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=14cm đến <=20cm (cây trồng trên thửa đất số 59, DT 2.735 m2, TBD số 1)				100	đ/cây	100	200.000	20.000.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (cây trồng trên thửa đất số 59, DT 2.735 m2, TBD số 1)	59	2.735	1	200	đ/cây	200	170.000	34.000.000				149.280.000

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (cây trồng trên thửa đất số 59, DT 2.735 m2, TBD số 1)				430	đ/cây	430	120.000	51.600.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (cây trồng trên thửa đất số 59, DT 2.735 m2, TBD số 1)				364	đ/cây	364	120.000	43.680.000				
3	Kiều Xuân Lâm (đại diện khai cho 6 hộ)									368.485.000			17.007.000	385.492.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (cây trồng trên thửa đất số 43, DT 9.051 m2, TBD số 1)	43	9.051	1	3.620	đ/cây	5.669	65.000	368.485.000	5.669	3.000	17.007.000	385.492.000
4	Nguyễn Tài Thanh									62.110.000				62.110.000
		Điều trồng hạt - Cây cho quả (cây trồng trên thửa đất số 172, DT 1.339 m2, TBD số 1)				127	cây	127	300.000	38.100.000				

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (cây trồng trên thửa đất số 127, DT 1.339 m2, TBD số 1)	172	1.339	1	142	đ/cây	142	120.000	17.040.000				62.110.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (cây trồng trên thửa đất số 127, DT 1.339 m2, TBD số 1)				41	đ/cây	41	170.000	6.970.000				
5	Lê Văn Tự									216.480.000				216.480.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=14cm đến <=20cm (cây trồng trên thửa đất số 60, DT 7.232 m2, TBD số 1)				84	đ/cây	84	200.000	16.800.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (cây trồng trên thửa đất số 60, DT 7.232 m2, TBD số 1)	60	7.232	1	468	đ/cây	468	120.000	56.160.000				216.480.000

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (cây trồng trên thửa đất số 60, DT 7.232 m2, TBD số 1)				2.208	đ/cây	2.208	65.000	143.520.000				
6	Kiều Đức Hùng (vợ Trần Thị Bích Hậu)									56.950.000				56.950.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=14cm đến =<20cm (cây trồng trên thửa đất số 21, DT 1.589 m2, TBD số 1)				63	đ/cây	63	200.000	12.600.000				56.950.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (cây trồng trên thửa đất số 21, DT 1.589 m2, TBD số 1)	21	1.589	1	128	đ/cây	128	120.000	15.360.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (cây trồng trên thửa đất số 21, DT 1.589 m2, TBD số 1)				446	đ/cây	446	65.000	28.990.000				

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
7	Phạm Ngọc Bình									28.880.000				28.880.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (trồng trên thửa đất số 41, DT 1.035 m2, TBD số 1)	41	1.035	1	400	đ/cây	400	65.000	26.000.000				28.880.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (cây trồng trên thửa đất số 41, DT 1.035 m2, TBD số 1)				24	đ/cây	24	120.000	2.880.000				
9	Đặng Mai Giao (vợ Phạm Thị Can)									8.900.000				8.900.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (cây trồng trên thửa đất số 185, diện tích 301 m2, TBD số 1)	185	301	1	10	đ/cây	10	170.000	1.700.000				1.700.000
		Điều trồng hạt - Cây cho quả (cây trồng trên bờ đấtDGT, thửa đất số 14)	14			6	cây	6	300.000	1.800.000				1.800.000

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (cây trồng trên bờ đất DGT, thửa đất số 14)	142	4083 (đất DGT)	1	10	đ/cây	10	170.000	1.700.000				5.400.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (cây trồng trên bờ đất DGT, thửa đất số 14)				10	đ/cây	10	170.000	1.700.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=14cm đến <=20cm (cây trồng trên bờ đất DGT, thửa đất số 14)				10	đ/cây	10	200.000	2.000.000				
10	Võ Hậu									24.050.000				24.050.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (trồng trên thửa đất số 42, DT 927 m2, TBD số 1)	42	927	1	370	đ/cây	370	65.000	24.050.000				24.050.000
11	Lê Bá Nữ									1.800.000				1.800.000

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Điều trồng hạt - Cây cho quả (cây trồng trên thửa đất số 56, diện tích 116 m2, TBD số 1)	56	116	1	6	cây	6	300.000	1.800.000				1.800.000
12	Võ Thanh Tùng									17.050.000				17.050.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)	187	2.000	1	20	đ/cây	20	170.000	3.400.000				17.050.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)				40	đ/cây	40	120.000	4.800.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)				80	đ/cây	80	65.000	5.200.000				

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Chuối - Cây đang cho quả (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)				5	cây	5	100.000	500.000				
		Điều trồng hạt - Cây cho quả (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)				7	cây	7	300.000	2.100.000				
		Dừa - Cây mới trồng chưa có thân cây (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)				10	cây	10	85.000	850.000				
		Chuối - Cây chưa cho quả (trồng trên thửa đất số 187, DT 2.000 m2, TBD số 1)				5	cây	5	40.000	200.000				
13	Lê Thị Kỳ (chồng Đặng Mai Hội)									34.810.000				34.810.000
		Điều trồng hạt - Cây cho quả (trồng cây trên thửa đất số 142, trên bờ thửa đất DGT, TBD số 1)				1	cây	1	300.000	300.000				

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (trồng cây trên thửa đất số 142, trên bờ thửa đất DGT, TBD số 1)	142	4083 (đất DGT)	1	58	đ/cây	58	170.000	9.860.000				34.810.000
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 7cm đến <10cm (trồng cây trên thửa đất số 142, trên bờ thửa đất DGT, TBD số 1)				174	đ/cây	174	120.000	20.880.000				
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >= 3cm đến < 7cm (trồng cây trên thửa đất số 142, trên bờ thửa đất DGT, TBD số 1)				58	đ/cây	58	65.000	3.770.000				
14	Nguyễn Văn Quang (vợ Nguyễn Thị Mỹ Linh)									9.740.000			1.260.000.000	1.269.740.000

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định							
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)	
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
		Cây keo lai nuôi lấy mô (tại Quyết định phê duyệt số 4175/QĐ-UBND ngày 15/11./2021 thuộc dự án: Nhà máy nhựa Phúc Hà - Dung Quất) (cây trồng trên thửa đất số 57, trồng trên diện tích 4.497 m2; TBD số 1)	57	4.497	1	28.106	đ/cây				28.106	20.000	562.120.000	562.120.000	
		Phi lao, bạch đàn, dương liễu, các loại keo - Cây có đường kính gốc >=10cm đến <=14cm (cây trồng trên thửa đất số 176, diện tích quy hoạch 8.194 m2, TBD số 1)	176	8.194	1	44	đ/cây	44	170.000	7.480.000				646.980.000	
		Chuối - Cây đang cho quả (cây trồng trên thửa đất số 176, diện tích quy hoạch 8.194 m2, TBD số 1)				16	cây	16	100.000	1.600.000					
		Chuối - Cây chưa cho quả (cây trồng trên thửa đất số 176, diện tích quy hoạch 8.194 m2, TBD số 1)				3	cây	3	40.000	120.000					

Số lượng theo thực tế kiểm kê								Số lượng bồi thường, hỗ trợ theo quy định						
TT	Họ và tên	Chủng loại, quy cách cây trồng, vật nuôi	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Tờ bản đồ	Số lượng	ĐVT	Bồi thường			Hỗ trợ cây giống			Tổng cộng (đồng)
								Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Dừa - Cây chưa cho quả có chiều cao < 2m (cây trồng trên thửa đất số 176, diện tích quy hoạch 8.194 m2, TBD số 1)				2	cây	2	270.000	540.000				
		Cây keo lai nuôi lấy mô (tại Quyết định phê duyệt số 4175/QĐ-UBND ngày 15/11./2021 thuộc dự án: Nhà máy nhựa Phúc Hà - Dung Quất) (cây trồng trên thửa đất số 176, trồng trên diện tích 5.098 m2; TBD số 1)				31.862	đ/cây				31.862	20.000	637.240.000	
		Cây keo lai nuôi lấy mô (tại Quyết định phê duyệt số 4175/QĐ-UBND ngày 15/11./2021 thuộc dự án: Nhà máy nhựa Phúc Hà - Dung Quất) (cây trồng trên thửa đất số 186, trồng trên diện tích 524 m2; TBD số 1)	186	524	1	3.032	đ/cây				3.032	20.000	60.640.000	60.640.000
	Tổng cộng									989.635.000			1.277.007.000	2.266.642.000